NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM CO.,LTD.

BL No.
SITGTXSG506123

Release No.
623706560716

TEN KHACH HANG:TO ORDER OF 'HSBC BANK (VIETNAM) LTD'

Consignee

TO ORDER OF 'HSBC BANK (VIETNAM) LTD'

Notify Party

KIRBY SOUTH EAST ASIA CO., LTD.
NHON TRACH III INDUSTRIAL ZONE, STAGE II, NHON TRACH DISTRICT,
DONG NAI PROVINCE, VIETNAM
TAX CODE:3600932923

LỆNH GIAO HÀNG

ELECTRONIC DELIVERY ORDER NOTICE

NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM OFFICE:
21TH FL, LIM TOWER III,
29A NGUYEN DINH CHIEU ST, DAKAO WARD, DIST.1,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TEL:84-8-54047415(EXT:131,101,146,103,113)
FAX: 84-8-54047420 Email: inbound.hcm@sitc.vn;cust-imp.hcm@sitc.vn

Vessel Name	Voyage No.	Estimated Time of Arrival	Terminal
SITC CHENMING	2414S	2024-11-02	
Place of Receipt	**Port of Loading**	**Port of Discharge**	**Place of Delivery**
XINGANG, CHINA	XINGANG, CHINA	CAT LAI,HO CHI MINH	CAT LAI, HO CHI MINH.
SỐ TIỀN MƯỢN CONTAINER	**Number and Kind of packages**	**Gross Weight (KGS)**	**Measurement(CBM)**
	125BUNDLE(S)	580,673.000KGS	630.000CBM
Container No. / Size & Type / Seal No.	LỆNH CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN HẾT NGÀY	**Số ngày miễn phí lưu vỏ:**	**Return Empty Container Location**
SEE ATTACHEMENT PAGE			

TOTAL	Description of goods
40HC*21	SEE ATTACHEMENT PAGE

-Gia hạn đến hết ngày:

NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM CO.,LTD.

Ngày tháng năm

NEW SITC CONTAINER LINES VIET NAM COMPANY LIMITED
c/o SITC CONTAINER LINES CO.,LTD.

Authorized Signature

- PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG (vui lòng đọc kỹ):
1. Nếu hạn lệnh, miễn lưu rỗng chưa được thể hiện trên lệnh giao hàng điện tử, vui lòng liên hệ với SITC GẤP. (ext:130,131;132, email: cust-imp.hcm@sitc.vn
2. Kiểm tra vị trí container trên website cảng trước khi nhận hàng.
3. Khách hàng cam kết hoàn trả container đúng thời hạn và địa điểm, thanh toán phí lưu cont/ lưu bãi, lưu rỗng, phí sửa chữa cont phát sinh.
4. Khi hạ rỗng, xuất trình cho Depot phiếu EIR (Full) khi lấy hàng.
5. Nhận container hàng tại cảng trước 23.59. Thời hạn trả rỗng tính từ ngày khách hàng lấy container hàng ra khỏi cảng.
6. Bên mượn container trong vòng 30 ngày kể từ ngày trả container (s) rỗng về bãi không liên hệ nhận lại toàn bộ số tiền cược trong thỏa thuận mượn container, NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM CO., LTD sẽ có toàn quyền định đoạt số tiền cược mà không phải gửi bất kì thông báo nào cho bên mượn container. Bên mượn container sẽ không có bất kỳ khiếu nại gì về vấn đề này.

- PHẦN DÀNH CHO DEPOT:
1. Chỉ nhận container được chỉ định trả về quý depot.
2. kiểm tra kỹ và thực hiện nghiêm thời hạn trả rỗng, depot sẽ bồi hoàn cho NEW SITC CONTAINER LINES VIETNAM CO., LTD phí lưu rỗng.
3. trong trường hợp miễn cược, Depot vui lòng tạm thu thêm phí sửa chữa, phí lưu rỗng theo thực tế phát sinh (nếu có).

ATTACHED RIDER

VESSEL: SITC CHENMING VOY: 2414S

B/L: SITGTXSG506123 POL: XINGANG, CHINA POD: CAT LAI,HO CHI MINH

Container No. / Size & Type / Seal No.	LỆNH CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN HẾT NGÀY	Số ngày miễn phí lưu vỏ:	Return Empty Container Location
BEAU4353317/40HC/SITE298031	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
BMOU6846488/40HC/SITE297802	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
CAAU6318390/40HC/SITE297636	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
DFSU7659903/40HC/SITE297633	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
FFAU4301535/40HC/SITE297640	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
GAOU6825503/40HC/SITE297804	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
SITU9077443/40HC/SITE297639	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
SITU9087884/40HC/SITE297805	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
SITU9099463/40HC/SITE297635	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
SITU9118780/40HC/SITE297772	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TEMU6698390/40HC/SITE298033	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TGBU7046251/40HC/SITE298034	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TIIU5536351/40HC/SITE297638	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TIIU5541595/40HC/SITE297632	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TIIU5672595/40HC/SITE297631	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TLLU7869836/40HC/SITE297637	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TRHU4124930/40HC/SITE298038	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TRHU5440470/40HC/SITE298032	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TRHU5777501/40HC/SITE297634	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
TRHU8139500/40HC/SITE297803	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT
UETU5779003/40HC/SITE297849	2024-11-15	7	TAN VAN SMART DEPOT

TOTAL: 40HC*21

ATTACHED RIDER

VESSEL: SITC CHENMING VOY: 2414S

B/L: SITGTXSG506123

Description of goods

GOODS: STEEL AS PER SALES CONTRACT NO. KIRBY/TYT-020924
COMMODITY: C140X60X8X9.5X12000MM CHANNEL-GRADE 36 KSI
QUANTITY (PCS):368
COMMODITY:C6X13 (C152X54X11.1X8.7X11800 MM CHANNEL)-GRADE 36 KSI
QUANTITY (PCS):44
COMMODITY: C220X79X9X11.5X12000 MM CHANNEL-GRADE 50 KSI
QUANTITY (PCS):178
COMMODITY: L2-1/2X2-1/2X1/4 INCH ANGLE-12000MM-GRADE A36
QUANTITY (PCS)3062
COMMODITY:L2X2X1/8 (51X51X3X11000MM ANGLE)-GRADE A36
QUANTITY (PCS):65
COMMODITY: L2X2X3/16 (51X51X4.8X10000MM ANGLE) - GRADE A36
QUANTITY (PCS):346
COMMODITY:L3-1/2X3-1/2X3/8(89X89X9.5X9000 MM ANGLE) - GRADE 36 KSI
QUANTITY (PCS):1
COMMODITY: L3X3X3/8(76X76X9.5X12000 MM ANGLE) - GRADE 50 A572
QUANTITY (PCS):591
COMMODITY: 30X30X3X6000 MM ANGLE - GRADE 36 KSI
QUANTITY (PCS):46
COMMODITY:100X100X14X12000MM ANGLE-GRADE 50 KSI
QUANTITY (PCS):61
COMMODITY:125X125X14X12000 MM ANGLE - GRADE 36 KSI
QUANTITY (PCS):27
COMMODITY:W10X49 (H 254X254X8.6X14.2X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI A992
QUANTITY (PCS):41
COMMODITY:W4X13 (H 106X103X7.1X8.8X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI A992
QUANTITY (PCS):5
COMMODITY:W6X20 (H 157X153X6.6X9.3X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI A992
QUANTITY (PCS):69
COMMODITY:W6X25 (H 162X154X8.1X11.6X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI A992
QUANTITY (PCS):24
COMMODITY:W8X15 (H 206X102X6.2X8X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI
QUANTITY (PCS):24
COMMODITY:W8X40 (H 210X205X9.1X14.2X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS)-GRADE 50 KSI A992
QUANTITY (PCS):5
COMMODITY:W5X16 (H 127X127X6.1X9.1X12000 MM WIDE FLANGE BEAMS) - GRADE 50
QUANTITY (PCS):52

THESE ITEMS ARE NON-ALLOY STEEL
TOTAL QUANTITY (PCS): 5009
THIS CREDIT NUMBER:DPCVNIM404366
HS CODE:721633/721650/721631
SHIPPED ON BOARD
FREIGHT PREPAID